

CHÍNH PHỦ

Số: 86/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam về tổ chức, hoạt động, một số loại trang bị và chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức theo Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam; tôn trọng và tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 4. Tên giao dịch quốc tế

Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là **Vietnam Marine Police**.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 5. Hệ thống tổ chức của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cơ quan Cục Cảnh sát biển

2. Đơn vị trực thuộc Cục Cảnh sát biển, gồm:

a) Vùng Cảnh sát biển. Trong cơ cấu của vùng Cảnh sát biển có hải đoàn, hải đội, cụm trình sát và đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;

b) Hải đoàn Cảnh sát biển;

c) Cụm trình sát;

d) Cụm đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy;

đ) Trung tâm thông tin Cảnh sát biển;

e) Trung tâm huấn luyện Cảnh sát biển.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định biên chế, trang bị và nhiệm vụ cụ thể các cơ quan, đơn vị Cảnh sát biển.

Điều 6. Cục Cảnh sát biển

Cục Cảnh sát biển có tư cách pháp nhân và con dấu, có kinh phí tổ chức, xây dựng và hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại Hà Nội và cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Vùng Cảnh sát biển

1. Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Côn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng.

2. Vùng Cảnh sát biển 2 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ đảo Côn Cỏ tỉnh Quảng Trị đến Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Quảng Nam.

3. Vùng Cảnh sát biển 3 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định đến bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh, có trụ sở tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Vùng Cảnh sát biển 4 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh đến Hà Tiên tỉnh Kiên Giang, có trụ sở tại tỉnh Cà Mau.

Điều 8. Cảnh sát viên, trình sát viên

1. Cảnh sát viên và Trình sát viên là chức danh pháp lý trong lực lượng Cảnh sát biển để làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn và thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh pháp lý thuộc lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Chương III CỜ HIỆU, PHỦ HIỆU, TRANG PHỤC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 9. Cờ hiệu

1. Cờ lệnh

Cờ lệnh của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hình tam giác cân, nền xanh nước biển, chiều cao 1,5 m, cạnh đáy 1,0 m, có quốc huy ở giữa và mũi tên màu vàng chạy ngang phía sau.

Cờ lệnh treo trên cột cờ cao 2,5 m cắm ở đuôi tàu (riêng tàu tìm kiếm cứu nạn cắm ở boong thượng phía sau).

2. Ký hiệu

Ký hiệu có 2 vạch màu da cam và màu trắng liền kề nhau, chiều dài của vạch bằng chiều cao mạn khô của thân tàu.

Vạch số 1 màu da cam đặt ở điểm cuối của mũi tàu giáp với điểm đầu của thân tàu, chệch 30° - 40° , chiều rộng 0,5 m - 1,0 m (tùy theo kích thước tàu) tiếp đến vạch số 2 màu trắng, chiều rộng bằng $1/4$ vạch số 1.

Ký hiệu được biểu hiện ở 2 bên thân tàu.

3. Màu sắc của tàu Cảnh sát biển Việt Nam

Màu sắc của thân tàu Cảnh sát biển Việt Nam có các loại như sau:

a) Thân tàu tuần tra, tàu môi trường sơn màu xanh nước biển, đài chỉ huy sơn màu trắng;

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN).

VIETNAM MARINE POLICE (HÀNG DƯỚI).

b) Thân tàu tìm kiếm - cứu nạn sơn màu da cam, đài chỉ huy sơn màu trắng, đường viền phía trên đài chỉ huy sơn màu da cam.

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN).

VIETNAM MARINE POLICE (HÀNG DƯỚI).

4. Màu sắc máy bay Cảnh sát biển Việt Nam

a) Thân máy bay

Thân máy bay phía dưới sơn màu xanh nước biển (tính từ vạch dưới cửa sổ lỗi của máy bay trở xuống phần bụng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái).

Thân máy bay phía trên sơn màu trắng (tính từ vạch dưới cửa sổ lỗi của máy bay trở lên phần lưng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái và phần cánh máy bay).

b) Đầu máy bay

Đầu máy bay có 2 vạch ký hiệu màu vàng da cam và màu trắng được sơn trên nền sơn màu xanh nước biển của thân máy bay phía dưới. Vạch số 1 sơn màu vàng da cam từ mép dưới cabin lái xuống sát mép bụng dưới thân máy bay, chéo 15° đến 20° , chiều rộng 0,5 m - 1,0 m (tùy theo kích thước máy bay). Ở giữa sơn phù hiệu ngành. Tiếp đến vạch số 2 sơn màu trắng, song song và rộng bằng $1/4$ vạch số 1.

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số máy bay màu trắng:

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng trên thân máy bay màu xanh nước biển:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN).

VIETNAM MARINE POLICE (HÀNG DƯỚI).

Phần mũi máy bay sơn màu xanh nước biển.

2. Cá nhân, tổ chức và phương tiện hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và chấp hành pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy trình kiểm tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 15. Hoạt động hợp tác quốc tế

1. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu, thuyền tại châu Á.

3. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh với các hoạt động xuất, nhập cảnh bất hợp pháp trên biển.

4. Hợp tác tuần tra, kiểm tra, giám sát về bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên từ biển.

5. Tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống ô nhiễm môi trường biển và ứng phó với sự cố môi trường biển.

6. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên biển.

7. Các hoạt động hợp tác quốc tế khác có liên quan.

Điều 16. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

Trong khi thực hiện nhiệm vụ lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật; việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong các hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 17. Các biện pháp nghiệp vụ

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của Luật An ninh quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

c) Cánh máy bay

Cánh chính: phần trên cánh và dưới cánh sơn màu trắng.

Cánh đuôi ngang: phần trên cánh và dưới cánh sơn màu trắng.

Cánh đuôi đứng: phía trên hai bên chóp đuôi đứng sơn hình Quốc kỳ Việt Nam, phía dưới sơn phù hiệu ngành, phần còn lại hai bên của đuôi đứng sơn màu trắng.

d) Động cơ máy bay và cánh quạt

Vỏ ngoài 2 động cơ sơn màu trắng.

Điều 10. Phù hiệu ngành

Phù hiệu ngành của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hình lá chắn trên nền tím than, hai thanh kiếm vắt chéo phía sau, kích thước cao x rộng: 105 x 80 mm, xung quanh viền đỏ 2 mm, ở giữa có mỏ neo màu trắng, hai bên có bông lúa màu vàng, phía dưới có chữ CSB màu đỏ, phía trên có ngôi sao vàng năm cánh.

Điều 11. Trang phục của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, quân phục và lễ phục của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định chung đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 12. Quy định về sử dụng Quốc kỳ, Cờ hiệu, phù hiệu, trang phục

Trong khi làm nhiệm vụ tàu, thuyền và các phương tiện khác của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam phải treo Quốc kỳ và Cờ hiệu Cảnh sát biển; cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển phải mặc trang phục và mang phù hiệu Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 13. Phạm vi hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 14. Hoạt động thực thi pháp luật trên biển

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam tiến hành công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm, tội phạm trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên biển, các đơn vị nghiệp vụ và cán bộ chuyên trách thuộc lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động của mình.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương V **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI**

Điều 18. Chế độ phụ cấp ưu đãi

Chế độ phụ cấp công tác lâu năm ở biên giới, hải đảo và chế độ phụ cấp đặc thù đi biển thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn của lực lượng Cảnh sát biển do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 19. Chính sách thương binh, liệt sĩ đối với cán bộ, chiến sĩ khi đang làm nhiệm vụ trên biển

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát biển khi đang làm nhiệm vụ trên biển do ốm đau, tai nạn mà bị chết hoặc bị thương được cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận là liệt sĩ, thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh theo quy định của pháp luật ưu đãi người có công.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2009 và thay thế Nghị định số 53/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách để đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và thực hiện Dự án xây dựng lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể các nội dung quy định về chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Cảnh sát biển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UDTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). **200**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng